| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8- ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2026
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Phiến;

2. Bà Nguyễn Thị Đẹp;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2025/TLST- HNGĐ, ngày 30/10/2025 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST –HN ngày 24/12/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Lê Thị Hồng T, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

2.Bị đơn: Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, văn bản trình bày ý kiến nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Minh Đ1 quen biết tìm hiểu nhau khoảng 01 năm đến năm 2017 thì chung sống với nhau, không tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2017 (nay là UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Thời gian chung sống hạnh phúc được một năm đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế vợ chồng không ổn định, giữa chị T và gia đình anh Đ1 cũng xảy ra mâu thuẫn. Nên chị T về nhà cha mẹ ruột tại Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) sinh sống cho đến nay. Vì vậy vợ chồng cũng đã sống ly thân từ

năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống ly thân thì anh Đ1 và chị T không liên lạc cũng không hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát sinh ngày 15/10/2017. Từ khi chị T bỏ đi thì cháu Phát sinh S với anh Đ cho đến nay, do đó chị T giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng chăm sóc sau khi ly hôn, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Minh Đ trình bày:*

Anh Đ không còn tình cảm với chị T nên chị T xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát sinh ngày 15/10/2017.

Anh Đ đồng ý nuôi cháu Thanh P sau khi ly hôn, anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng theo điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025. Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu Nguyễn Thanh P cho anh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Minh Đ là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 được quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự 2025.

Anh Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Minh Đ chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và mâu thuẫn trong gia đình anh Đ nên chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, từ khi chị T và anh Đ sống ly thân với nhau đến nay, thời gian cũng đã lâu nhưng anh Đ, chị T không liên lạc, không tìm cách hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ chung sống lại với nhau. Chị T và anh Đ trình bày không còn tình cảm với nhau nên chị T xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý. Từ đó chứng tỏ rằng giữa chị T và anh Đ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng T với anh Nguyễn Minh Đ.

[2.2] Về con chung: chị T giao cháu Thanh P cho anh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh Đ1 đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh P sau khi ly hôn. Anh Đ1 cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi chị T và anh Đ1 sống ly thân cháu P sống với anh Đ1 cho đến nay cuộc sống của cháu đã ổn định, anh Đ1 cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu P. Nguyện vọng của cháu cũng muốn được sống với anh Đ1. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của cháu P nên giao cháu cho anh Đ1 chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đ1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị T và anh Đ1 trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị T và anh Đ1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Lê Thị Hồng T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và luật sửa đổi một số điều luật tố tụng dân sự 2025.

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2. *Về con chung*: giao cháu Nguyễn Thanh Phát S1 ngày 15/10/2017 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu P đang sống với anh Đ).

Sau khi ly hôn, chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* chị T và anh Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* chị T và anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 30/10/2025 theo biên lai số 0006444 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THA DS Khu vực 8;
- UBND xã Tân Nhuận Đông (xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành) số 121 ngày 26/09/2017;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Loan**